

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 719/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 29 tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt mức hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách Trung ương
đầu tư phát triển rừng và bảo vệ rừng tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015; số 73/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2010 về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh;

Thực hiện Công văn số 2108/TTg-KTN ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xin chủ trương về nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định 38/2005/QĐ-BNN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

Thực hiện các Công văn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 607/BNN-TCLN ngày 08 tháng 3 năm 2011 về việc triển khai Quyết định số 73/QĐ-TTg về Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh; số 3936/BNN-TCLN ngày 26 tháng 11 năm 2010 về việc hướng dẫn triển khai kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2011;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 77/TTr-SNN ngày 09 tháng 4 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mức hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách Trung ương đầu tư phát triển rừng và bảo vệ rừng tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2015, cụ thể như sau:

1. Đối với rừng phòng hộ, đặc dụng.

a) Trồng rừng:

- Trồng và chăm sóc năm thứ nhất: 9.000.000 - 10.000.000 đồng/ha.

- Chăm sóc 3 năm tiếp theo: 5.000.000 - 6.000.000 đồng/ha, gồm:

+ Chăm sóc năm thứ 2: 2.000.000 - 3.000.000 đồng/ha.

+ Chăm sóc năm thứ 3: 2.000.000 - 3.000.000 đồng/ha.

+ Chăm sóc năm thứ 4: 1.000.000 đồng/ha.

b) Giao khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung: bình quân 200.000 đồng/ha/năm.

c) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên kết hợp trồng bổ sung: 1 triệu đồng/ha/6 năm (năm đầu 500.000 đồng/ha)

2. Mức hỗ trợ trồng rừng sản xuất: bình quân 3 triệu đồng/ha.

3. Xây dựng cơ sở hạ tầng lâm sinh: 10% tổng vốn.

4. Vốn quản lý: 9,3% vốn lâm sinh (Chủ dự án cơ sở 8% và Ban quản lý dự án Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 1,3%).

5. Điều kiện thực hiện:

a) Các chỉ tiêu, nhiệm vụ bảo vệ rừng và phát triển rừng được cơ quan có thẩm quyền giao kế hoạch hàng năm, các mức hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách Trung ương được áp dụng từ năm 2011.

b) Mô hình được áp dụng:

- Mô hình trồng cây bản địa thuần loại (cây gỗ lớn), mật độ 625 cây/ha.

- Mô hình trồng hỗn giao cây bản địa và cây phụ trợ, mật độ 1.000 cây/ha (cây trồng chính: 500 cây/ha; cây phụ trợ 500 cây/ha).

- Mô hình trồng thuần loại cây gỗ nhỏ, mật độ 1.333 cây/ha.

- Mô hình giao khoán bảo vệ rừng tự nhiên, rừng trồng sau nghiệm thu thành rừng.

- Mô hình khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên (Ic, IIa).

- Hỗ trợ trồng rừng sản xuất phải có dự án đầu tư được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

c) Hồ sơ thiết kế công trình lâm sinh bao gồm: Các hạng mục đầu tư cụ thể từng vùng, từng khu vực, từng điều kiện lập địa, từng loài cây trồng và chi phí trồng, chăm sóc các năm, giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, phê duyệt trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật lâm sinh theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Trúc

+ Chăm sóc năm thứ 3: 2.000.000 - 3.000.000 đồng/ha.

+ Chăm sóc năm thứ 4: 1.000.000 đồng/ha.

b) Giao khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung: bình quân 200.000 đồng/ha/năm.

c) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên kết hợp trồng bổ sung: 1 triệu đồng/ha/6 năm (năm đầu 500.000 đồng/ha)

2. Mức hỗ trợ trồng rừng sản xuất: bình quân 3 triệu đồng/ha.

3. Xây dựng cơ sở hạ tầng lâm sinh: 10% tổng vốn.

4. Vốn quản lý: 9,3% vốn lâm sinh (Chủ dự án cơ sở 8% và Ban quản lý dự án Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 1,3%).

5. Điều kiện thực hiện:

a) Các chỉ tiêu, nhiệm vụ bảo vệ rừng và phát triển rừng được cơ quan có thẩm quyền giao kế hoạch hàng năm, các mức hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách Trung ương được áp dụng từ năm 2011.

b) Mô hình được áp dụng:

- Mô hình trồng cây bản địa thuần loại (cây gỗ lớn), mật độ 625 cây/ha.

- Mô hình trồng hỗn giao cây bản địa và cây phụ trợ, mật độ 1.000 cây/ha (cây trồng chính: 500 cây/ha; cây phụ trợ 500 cây/ha).

- Mô hình trồng thuần loại cây gỗ nhỏ, mật độ 1.333 cây/ha.

- Mô hình giao khoán bảo vệ rừng tự nhiên, rừng trồng sau nghiệm thu thành rừng.

- Mô hình khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên (Ic, IIa).

- Hỗ trợ trồng rừng sản xuất phải có dự án đầu tư được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

c) Hồ sơ thiết kế công trình lâm sinh bao gồm: Các hạng mục đầu tư cụ thể từng vùng, từng khu vực, từng điều kiện lập địa, từng loài cây trồng và chi phí trồng, chăm sóc các năm, giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, phê duyệt trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật lâm sinh theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Trúc